

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công ty hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 15 ngày 14 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Xuân Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/09/2022
	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/09/2022
Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/09/2022
Ông Vũ Hải	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Quang	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên	
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13/02/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Đức Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/09/2022
		Miễn nhiệm ngày 11/02/2023
Ông Vũ Đình Đông	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/09/2022
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Thúy Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/02/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Phùng Đức Hợp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/08/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/08/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thúy Phượng
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2023-002-1

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		658.334.157.535	960.255.056.669
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.643.308.657	109.312.425.600
111	1. Tiền		19.643.308.657	109.312.425.600
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	199.587.431.097	326.819.688.600
121	1. Chứng khoán kinh doanh		223.247.331.097	350.479.588.600
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(23.659.900.000)	(23.659.900.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.613.775.625	4.096.872.910
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.493.322.945	123.461.843
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	25.387.011.196	3.163.479.611
139	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.733.441.484	809.931.456
140	IV. Hàng tồn kho	6	399.425.855.370	508.524.761.399
141	1. Hàng tồn kho		399.425.855.370	508.524.761.399
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.063.786.786	11.501.308.160
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	67.553.760	14.288.362
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.996.233.026	11.487.019.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		258.973.172.514	51.232.378.082
220	II. Tài sản cố định		27.361.284.395	17.611.670.266
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	27.361.284.395	17.611.670.266
222	- Nguyên giá		224.070.725.596	206.732.268.558
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(196.709.441.201)	(189.120.598.292)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.000.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	200.000.000.000	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		200.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.601.888.119	33.620.707.816
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	31.601.888.119	33.620.707.816
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		917.307.330.049	1.011.487.434.751

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		414.480.459.181	599.732.366.267
310	I. Nợ ngắn hạn		408.853.131.141	599.732.366.267
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	72.421.611.849	49.945.032.186
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		25.682.617.940	24.495.143.234
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	13.214.449.942	10.103.207.909
314	4. Phải trả người lao động		22.721.677.784	24.806.500.284
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	1.004.140.076	426.948.457
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	46.979.825.543	43.205.900.653
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	174.607.281.056	378.497.901.348
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	48.042.680.980	59.382.543.516
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.178.845.971	8.869.188.680
330	II. Nợ dài hạn		5.627.328.040	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	5.627.328.040	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		502.826.870.868	411.755.068.484
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	502.826.870.868	411.755.068.484
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		179.379.000.000	160.159.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		179.379.000.000	160.159.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		335.210.030	335.210.030
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		323.112.660.838	251.259.888.454
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		228.416.411.945	147.704.273.908
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		94.696.248.893	103.555.614.546
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		917.307.330.049	1.011.487.434.751

Ngân

Phạm Thị Kim Ngân
Người lập/ Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Thúy Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.050.870.316.833	993.009.978.443
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.050.870.316.833	993.009.978.443
11	4. Giá vốn hàng bán	18	884.493.738.792	814.348.240.222
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.376.578.041	178.661.738.221
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	24.191.282.901	12.291.593.262
22	7. Chi phí tài chính	20	13.281.197.191	8.996.545.832
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.089.928.075	8.878.877.592
25	8. Chi phí bán hàng	21	25.527.644.740	17.974.403.566
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	33.913.503.058	42.450.050.710
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		117.845.515.953	121.532.331.375
31	11. Thu nhập khác	23	9.984.708.501	9.761.666.789
32	12. Chi phí khác	24	1.554.984.594	889.270.379
40	13. Lợi nhuận khác		8.429.723.907	8.872.396.410
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		126.275.239.860	130.404.727.785
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	31.578.990.967	26.849.113.239
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>94.696.248.893</u>	<u>103.555.614.546</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	5.279	5.773

Phạm Thị Kim Ngân
Người lập/ Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Thúy Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		126.275.239.860	130.404.727.785
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.465.516.853	9.741.142.440
03	- Các khoản dự phòng		(11.339.862.536)	(1.323.178.974)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(36.809.716)	1.582.174
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.330.926.461)	(12.174.486.666)
06	- Chi phí lãi vay		9.089.928.075	8.878.877.592
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		131.123.086.075	135.528.664.351
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(26.028.075.943)	130.669.385.904
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		109.098.906.029	(170.267.980.756)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		25.910.395.501	(15.398.223.593)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.088.880.355	867.467.430
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		127.232.257.503	(140.606.188.600)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.132.090.856)	(8.809.621.147)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.405.633.276)	(35.205.220.476)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.314.789.218)	(5.632.494.597)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		322.572.936.170	(108.854.211.484)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.348.457.038)	-
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.332.886.461	10.189.844.474
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(214.015.570.577)	10.189.844.474
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		437.233.758.435	842.025.101.354
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(635.497.050.687)	(685.908.712.130)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.240.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(198.263.292.252)	156.113.149.224

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(89.705.926.659)	57.448.782.214
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		109.312.425.600	51.865.225.560
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.809.716	(1.582.174)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>19.643.308.657</u>	<u>109.312.425.600</u>



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập/ Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Thúy Phương
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công ty hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 15 ngày 14 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 160.159.970.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 179.379.000.000 đồng; trong đó 17.937.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 974 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1014 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và tiêu thụ quạt điện các loại.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
Chi nhánh Hà Nam

Địa chỉ
Hà Nam

Hoạt động kinh doanh chính
Sản xuất quạt điện các loại

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư hoặc đánh giá tổn thất của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến từng khoản đầu tư tài chính.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo các loại quạt điện và tất cả các hoạt động đều diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	451.478.828	165.821.808
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.191.829.829	109.146.603.792
	<u><u>19.643.308.657</u></u>	<u><u>109.312.425.600</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CỐ THỐNG NHẤT**Báo cáo tài chính**

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Tổng giá trị cổ phiếu	223.247.331.097	(23.659.900.000)
<i>Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)</i>	<i>56.813.900.000</i>	<i>(23.659.900.000)</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô</i>	<i>8.112.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ Artexport</i>	<i>158.321.431.097</i>	<i>-</i>
	223.247.331.097	(23.659.900.000)
		(23.659.900.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Trong năm 2020, Công ty thực hiện chuyển nhượng 350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà cho đối tác, đồng thời trích lập dự phòng đối với số lượng cổ phần đang nắm giữ còn lại căn cứ giá chuyển nhượng của 350.000 cổ phần đã bán trong năm 2020. Trong năm 2022, do không có thông tin về giao dịch của cổ phiếu này nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập/hoàn nhập dự phòng bổ sung đối với khoản đầu tư này.

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh

Tên Công ty

	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Hà Nội	1.507.000	7%	Kinh doanh bia và nước giải khát
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	Hà Nội	202.800	10%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ Artexport	Hà Nội	2.774.900	5%	Thương mại, xuất nhập khẩu

Theo định hướng nắm giữ các khoản đầu tư, Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng các khoản đầu tư này khi thị trường phù hợp mà không có ý định nắm giữ lâu dài. Do đó, Công ty trình bày các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này ở mục chứng khoán kinh doanh.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty thực hiện góp vốn thành lập quỹ đầu tư tăng trưởng BVIM theo HD số 2610/2022/HĐGV/BVIM-NĐT ngày 26/10/2022 với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Quỹ đầu tư thuộc quản lý của Công ty quản lý quỹ và không thành lập pháp nhân riêng. Theo đó, Công ty trình bày là khoản mục đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trên Báo cáo tài chính.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	2.001.960.000	-
- Tạm ứng	70.000.000	-	203.545.000	-
- Thuế TNCN người lao động	317.011.196	-	957.974.611	-
- Phải thu về ủy thác đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	25.000.000.000	-	-	-
	25.387.011.196	-	3.163.479.611	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan			2.001.960.000	-
- Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artexport)	-	-	2.001.960.000	-
Bên khác	25.387.011.196	-	1.161.519.611	-
- Phải thu khác	25.387.011.196	-	1.161.519.611	-
	25.387.011.196	-	3.163.479.611	-

(*) Khoản đặt cọc liên quan đến hợp đồng kinh doanh với đối tác có giá trị 25.000.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch triển khai dự án kinh doanh, thực hiện việc đầu tư, kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.047.618.100	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	47.981.059.106	-	77.275.551.823	-
Công cụ, dụng cụ	1.287.591.812	-	1.310.026.588	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.975.928.927	-	103.446.728.077	-
Thành phẩm	292.133.657.425	-	326.492.454.911	-
	399.425.855.370	-	508.524.761.399	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	97.656.003.675	102.804.557.310	5.139.360.809	1.132.346.764	206.732.268.558					
- Mua trong năm	-	1.808.931.822	-	-	1.808.931.822					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	15.529.525.216	-	-	15.529.525.216					
Số dư cuối năm	97.656.003.675	120.143.014.348	5.139.360.809	1.132.346.764	224.070.725.596					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	87.068.659.690	96.386.985.205	4.846.943.865	818.009.532	189.120.598.292					
- Khấu hao trong năm	3.988.525.211	3.328.428.554	171.198.837	100.690.307	7.588.842.909					
Số dư cuối năm	91.057.184.901	99.715.413.759	5.018.142.702	918.699.839	196.709.441.201					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	10.587.343.985	6.417.572.105	292.416.944	314.337.232	17.611.670.266					
Tại ngày cuối năm	6.598.818.774	20.427.600.589	121.218.107	213.646.925	27.361.284.395					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 20.355.075.455 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.549.129.215 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	67.553.760	14.288.362
	<u>67.553.760</u>	<u>14.288.362</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn (*)	30.683.588.051	31.560.261.995
Công cụ dụng cụ xuất dùng	907.896.576	2.057.552.065
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.403.492	2.893.756
	<u>31.601.888.119</u>	<u>33.620.707.816</u>

(*) Thông tin chi tiết về hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn được trình bày tại Thuyết minh số 16 - "Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động".

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	nợ
		VND		VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH Ánh Dương	1.074.765.120	1.074.765.120	6.186.740.560	6.186.740.560
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại & Xuất nhập khẩu Lụa Tuyết	9.527.229.415	9.527.229.415	4.994.615.296	4.994.615.296
- Công ty TNHH Vi Na Hanimexco	7.207.362.030	7.207.362.030	2.107.910.750	2.107.910.750
- Công ty TNHH Dây và cáp điện Trường Hải	533.826.150	533.826.150	6.944.306.666	6.944.306.666
- Công ty TNHH Ống thép 190	5.616.246.711	5.616.246.711	1.954.305.280	1.954.305.280
- Phải trả nhà cung cấp khác	48.462.182.423	48.462.182.423	27.757.153.634	27.757.153.634
	<u>72.421.611.849</u>	<u>72.421.611.849</u>	<u>49.945.032.186</u>	<u>49.945.032.186</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trưng Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	27.048.752.648	27.048.752.648	27.048.752.648	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	580.268.720	580.268.720	580.268.720	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.842.732.066	31.578.990.967	31.578.990.967	28.405.633.276	-	-	-	-	-	13.016.089.757	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	260.475.843	1.122.883.949	1.122.883.949	1.184.999.607	-	-	-	-	-	198.360.185	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.030.264.482	4.030.264.482	4.030.264.482	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	-	10.103.207.909	64.365.160.766	64.365.160.766	61.253.918.733	-	-	-	-	-	13.214.449.942	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	238.560.676	280.723.457
- Chi phí phải trả khác	765.579.400	146.225.000
	<u>1.004.140.076</u>	<u>426.948.457</u>

12 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.722.824.221	9.933.058.241
- Kinh phí công đoàn	314.087.000	314.069.000
- Bảo hiểm xã hội	14.540.532	24.133.443
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.216.310.000	4.216.310.000
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	31.931.506.849	27.972.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	780.556.941	746.329.969
	<u>46.979.825.543</u>	<u>43.205.900.653</u>

(*) Khoản phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác có giá trị ban đầu là 27.750.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch triển khai dự án kinh doanh, thực hiện việc đầu tư, kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên hoặc theo thỏa thuận giữa các bên tại thời điểm thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . VAY

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	378.497.901.348	378.497.901.348	426.611.430.395	634.498.050.687	170.611.281.056	170.611.281.056
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội ⁽¹⁾	94.530.080.631	94.530.080.631	124.159.351.808	192.394.651.166	26.294.781.273	26.294.781.273
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽²⁾	91.240.412.450	91.240.412.450	73.448.203.401	97.958.123.269	66.730.492.582	66.730.492.582
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nội ⁽³⁾	55.744.326.354	55.744.326.354	62.824.674.861	103.498.488.389	15.070.512.826	15.070.512.826
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽⁴⁾	136.983.081.913	136.983.081.913	166.179.200.325	240.646.787.863	62.515.494.375	62.515.494.375
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	3.996.000.000	-	3.996.000.000	3.996.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội ⁽⁵⁾	-	-	3.996.000.000	-	3.996.000.000	3.996.000.000
	378.497.901.348	378.497.901.348	430.607.430.395	634.498.050.687	174.607.281.056	174.607.281.056
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội ⁽⁵⁾	-	-	10.622.328.040	999.000.000	9.623.328.040	9.623.328.040
	-	-	10.622.328.040	999.000.000	9.623.328.040	9.623.328.040
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-			(3.996.000.000)	(3.996.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			5.627.328.040	5.627.328.040

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/147030/HĐTD ngày 30/09/2022, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 30/09/2023;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 26.294.781.273 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 06/2022-HĐCVHM/NHCT106-ĐCTN ngày 04/08/2022, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 07/06/2023;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 66.730.492.582 đồng;
 - + Hình thức đảm bảo vay: Hợp đồng thế chấp động sản số 03/2016-HĐTC/NHTC106-THONGNHAT ngày 06/06/2016 và các phụ lục, văn bản liên quan.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 28374.22.051.2988221.TD ngày 24/08/2022, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 31/05/2023;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.070.512.826 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (4) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/HĐCTD/VCBHN-ĐCTN ngày 22/04/2022, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 18/04/2023;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 62.515.494.375 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (5) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/HĐCTD ngày 23/02/2022, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị cho dự án phục vụ sản xuất của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 7,9%/năm trong 24 tháng đầu tiên và điều chỉnh 06 tháng/lần theo lãi suất thả nổi + 3,5%/năm trong các tháng tiếp theo;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 9.623.328.040 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả hạn trả sau 12 tháng là 3.996.000.000 đồng.
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các khoản tiền gửi tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trưng Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa ⁽¹⁾	25.253.865.380	23.073.488.781
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp ⁽²⁾	11.948.815.600	13.019.054.735
- Dự phòng quỹ tiền lương	10.840.000.000	23.290.000.000
	48.042.680.980	59.382.543.516

(1) Căn cứ theo điều khoản về bảo hành sản phẩm 12 tháng tại hợp đồng bán hàng và tài liệu đánh giá nội bộ của Công ty. Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.

(2) Số dư dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp là số liệu tính toán tiền trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động tại Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Luật lao động căn cứ theo chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp của Công ty.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	143.000.000.000	335.210.030	167.786.823.862	311.122.033.892
Lãi trong năm trước	-	-	103.555.614.546	103.555.614.546
Phân phối lợi nhuận	17.159.970.000	-	(20.082.549.954)	(2.922.579.954)
Số dư cuối năm trước	160.159.970.000	335.210.030	251.259.888.454	411.755.068.484
Số dư đầu kỳ nay	160.159.970.000	335.210.030	251.259.888.454	411.755.068.484
Lãi trong năm nay	-	-	94.696.248.893	94.696.248.893
Phân phối lợi nhuận	19.219.030.000	-	(22.843.476.509)	(3.624.446.509)
Số dư cuối năm nay	179.379.000.000	335.210.030	323.112.660.838	502.826.870.868

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 233/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 05 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.624.446.509
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 12% vốn điều lệ)	19.219.030.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Nguyễn Việt Oanh	24,24%	43.480.012.800	24,24%	38.821.440.000
Nguyễn Hồng Dũng	16,78%	30.105.600.000	16,78%	26.880.000.000
Dương Văn Can	8,74%	15.680.000.000	8,74%	14.000.000.000
Nguyễn Đức Thắng	6,17%	11.076.352.000	6,17%	9.889.600.000
Các cổ đông khác	44,07%	79.037.035.200	44,07%	70.568.930.000
	100%	179.379.000.000	100%	160.159.970.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	179.379.000.000	160.159.970.000
- Vốn góp đầu năm	160.159.970.000	143.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	19.219.030.000	17.159.970.000
- Vốn góp cuối năm	179.379.000.000	160.159.970.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.216.310.000	4.216.310.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	4.216.310.000	4.216.310.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.937.900	16.015.997
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.937.900	16.015.997
- Cổ phiếu phổ thông	17.937.900	16.015.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.937.900	16.015.997
- Cổ phiếu phổ thông	17.937.900	16.015.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 28/2010/HDKT-HN ngày 13 tháng 09 năm 2010 với Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam diện tích 49.971 m² tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, Khu công nghiệp Đồng Văn II, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với mục đích sử dụng đất khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2056 với phương thức thuê đất trả tiền một lần.

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa chỉ 164 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội với diện tích khu đất thuê là 29,528 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	43.125,51	4.543,57

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.050.336.458.416	992.497.681.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	533.858.417	512.296.901
	1.050.870.316.833	993.009.978.443

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	884.489.332.293	814.339.361.055
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.406.499	8.879.167
	884.493.738.792	814.348.240.222

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	760.178.625	1.626.307.488
Lãi thu được từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.317.808.219	8.768.219.178
Cổ tức, lợi nhuận được chia	570.747.836	1.779.960.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.996.008	117.106.596
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	36.809.716	-
Lãi bán các khoản chứng khoán kinh doanh	19.501.742.497	-
	24.191.282.901	12.291.593.262
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	225.987.836	1.779.960.000

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.089.928.075	8.878.877.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	231.762.267	116.086.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.582.174
Chi phí tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.959.506.849	-
	13.281.197.191	8.996.545.832

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.571.310	36.351.789
Chi phí nhân công	9.365.523.041	9.264.316.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.873.251	77.500.752
Chi phí khác bằng tiền	13.232.300.539	9.446.481.636
Chi phí bảo hành	2.180.376.599	(850.247.224)
	25.527.644.740	17.974.403.566

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	706.261.379	767.439.429
Chi phí nhân công	26.532.065.852	30.495.488.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.611.484	503.732.484
Thuế, phí, lệ phí	264.391.070	175.211.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.861.111	545.624.535
Chi phí khác bằng tiền	5.975.312.162	9.962.554.014
	33.913.503.058	42.450.050.710

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt thu được	51.650.260	354.278.179
Xử lý chênh lệch thừa kiểm kê	9.933.058.241	9.383.661.337
Thu nhập khác	-	23.727.273
	9.984.708.501	9.761.666.789

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	784.646.959	2.187.181
Xử lý chênh lệch thiếu kiểm kê	770.337.635	887.083.198
	1.554.984.594	889.270.379

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.275.239.860	130.404.727.785
Các khoản điều chỉnh tăng	29.810.009.863	6.095.527.912
- Chi phí không hợp lệ	29.810.009.863	6.093.945.738
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	1.582.174
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.472.895.072)	(2.254.689.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(570.747.836)	(1.779.960.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(36.809.716)	-
- Hoàn lại chiết khấu thương mại đã bị loại khỏi chi phí tính thuế năm trước	(7.916.528.270)	-
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc đã loại khỏi chi phí tính thuế năm trước	(948.809.250)	(474.729.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	146.612.354.651	134.245.566.197
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	29.322.470.930	26.849.113.239
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	2.256.520.037	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	9.842.732.066	18.198.839.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(28.405.633.276)	(35.205.220.476)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	13.016.089.757	9.842.732.066

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	94.696.248.893	103.555.614.546
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	94.696.248.893	103.555.614.546
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	17.937.900	17.937.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.279	5.773

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	655.982.435.554	822.172.745.124
Chi phí nhân công	167.791.781.013	157.588.105.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.588.842.909	8.864.468.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.002.478.521	18.520.926.175
Chi phí khác bằng tiền	16.737.201.322	37.778.712.386
	862.102.739.319	1.044.924.958.159

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.643.308.657	-	-	19.643.308.657
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.387.011.196	-	-	25.387.011.196
	<u>45.030.319.853</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>45.030.319.853</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.312.425.600	-	-	109.312.425.600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.163.479.611	-	-	3.163.479.611
	<u>112.475.905.211</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.475.905.211</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	174.607.281.056	5.627.328.040	-	180.234.609.096
Phải trả người bán, phải trả khác	119.401.437.392	-	-	119.401.437.392
Chi phí phải trả	1.004.140.076	-	-	1.004.140.076
	<u>295.012.858.524</u>	<u>5.627.328.040</u>	<u>-</u>	<u>300.640.186.564</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	378.497.901.348	-	-	378.497.901.348
Phải trả người bán, phải trả khác	93.150.932.839	-	-	93.150.932.839
Chi phí phải trả	426.948.457	-	-	426.948.457
	<u>472.075.782.644</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>472.075.782.644</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

29 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 30/06/2022, Công ty gửi thông báo 616/2022/ĐCTN-CV tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty không đáp ứng quy định tại Khoản a Điểm 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019. Theo đó, Công ty xin thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo thông báo số 5610/UBCK-GSĐC ngày 23 tháng 08 năm 2022 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước về việc hủy tư cách công ty đại chúng: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước thông báo hủy tư cách công ty đại chúng đối với Công ty từ ngày 20 tháng 06 năm 2022.

Theo thông báo số 12846/VSD-ĐK-NV ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc hủy chứng khoán đăng ký mã VNW: ngày hủy hiệu lực đăng ký là ngày 14 tháng 12 năm 2022.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Mai Xuân Sơn (Bổ nhiệm ngày 22/09/2022)	Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Bùi Trọng Dân (Miễn nhiệm ngày 22/09/2022)	Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Vũ Đình Đông (Miễn nhiệm ngày 22/09/2022)	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thành Quang	Thành viên HĐQT
Các thành viên Ban kiểm soát	Thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artexport)	Cùng thành viên HĐQT - Ông Vũ Hải
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Cùng thành viên HĐQT - Ông Bùi Trọng Dân đến ngày 22/09/2022
Công ty Cổ phần Kinh doanh và đầu tư Việt Hà	Ông Mai Xuân Sơn - Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần kinh doanh và đầu tư Việt Hà

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	225.987.836	1.779.960.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	225.987.836	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artexport)	-	1.779.960.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	191.724.929	160.697.723
Công ty Cổ phần Kinh doanh và đầu tư Việt Hà	191.724.929	160.697.723

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Số dư tại ngày đầu kỳ và kết thúc năm tài chính:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	215.135.331.097	342.367.588.600
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	56.813.900.000	56.813.900.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Arlexport)	158.321.431.097	285.553.688.600

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	2.249.567.615	3.944.856.826
Ông Đặng Đức Trung (Bổ nhiệm ngày 22/09/2022)	143.220.000	-
Ông Vũ Đình Đông (Miễn nhiệm ngày 22/09/2022)	1.050.585.392	1.048.128.545
Ông Vũ Hải	1.198.982.223	1.311.755.733
Ông Nguyễn Thành Vinh (Miễn nhiệm ngày 01/12/2021)	-	790.940.774
Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Miễn nhiệm ngày 01/12/2021)	-	794.031.774
Thu nhập của thành viên trong Hội đồng Quản trị	1.090.548.009	1.262.564.302
Ông Bùi Trọng Dân (Miễn nhiệm ngày 22/09/2022)	300.227.541	358.787.887
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	259.786.156	301.258.805
Ông Nguyễn Thành Quang	259.786.156	301.258.805
Ông Mai Xuân Sơn	270.748.156	301.258.805
Thu nhập của thành viên trong Ban Kiểm soát	821.434.696	908.652.209
Bà Phạm Thị Minh Huyền	490.053.156	530.973.805
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	161.190.770	188.839.202
Ông Phùng Đức Hợp (Bổ nhiệm ngày 24/08/2022)	38.077.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Miễn nhiệm ngày 24/08/2022)	132.113.770	188.839.202

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập/ Phụ trách kế toán



Phạm Thị Thúy Phượng
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023